TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/LĐ-ST
Ngày: 22/01/2025
V/v "Tranh chấp tiền lương"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phương

2. Ông Trương Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân , tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 42/2024/TLST-LĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 562/2024/QĐXXST-LĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2025/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ÔngVăn B sinh năm 1968nơi cư trú: số C, tổ A, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần G (GAVICO);

Địa chỉ trụ sở: Lô C, cụm C, xã T, huyện P, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1970; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: 2 phố V, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2024 của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông Nguyễn Văn B có ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần G theo hợp đồng số 09/2023/GV- HĐLĐ, ngày 01/3/2023, loại hợp đồng không thời hạn, công việc chính là bảo vệ với mức lương cơ bản 3.250.000 đồng/tháng, đến tháng 7 năm 2024 mức lương mới là 3.960.000 đồng/tháng, ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hàng tháng được giao. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần G còn nợ tiền lương từ tháng 8, 9, 10, 11 năm 2024, theo danh sách bảng lương chi trả là 15.845.066 đồng, phía Công ty cổ phần G cam kết thanh toán tiền lương nhưng không thực hiện. Vì vậy, ông B khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần G có nghĩa vụ trả tiền lương là 15.845.066 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Công ty cổ phần G đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Toà án không ghi nhận được ý kiến.

Theo văn bản do phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh A cung cấp thông tin như sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số MSDN 1601645981 sửa đổi lần thứ 18, ngày 04/12/2024 thì Công ty cổ phần G có trụ sở Lô 3-4, cụm C, xã T, huyện P, tỉnh An Giang, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Mạnh H, hiện nay Công ty cổ phần G vẫn đang hoạt động.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 90, 95 của Bộ luật Lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20216 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B

Buộc Công ty cổ phần G có nghĩa vụ trả tiền lương cho ông B số tiền 15.845.066 đồng.

Về án phí lao động: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1].Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Văn B khởi kiện về tiền lương lao động đối với Công ty cổ phần G, có trụ sở tại xã T, huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang và quan hệ pháp luật "tranh chấp tiền lương" theo quy định khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 179 của Bộ luật lao động năm 2019.

[1.2].Về điều kiện khởi kiện: Vụ án đã được Hoà giải viên lao động tổ chức hoà giải đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 188 của Bộ luật lao động năm 2019.

[1.3].Về sự vắng mặt của đương sự:

- Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Trước khi phiên toà được mở, bị đơn Công ty cổ phần G đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty cổ phần G theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

[2.1] Về xác lập và thực hiện hợp đồng lao động:

Ông Nguyễn Văn B với Công ty cổ phần G có xác lập hợp đồng lao động số 09/2023/GV- HĐLĐ, ngày 01/3/2023, người lao động (ông B) và người sử dụng lao động (Công ty cổ phần G) tự nguyện giao kết hợp đồng lao động, loại hợp đồng không thời hạn theo quy định tại Điều 20 của Bộ luật Lao động nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên. Theo hợp đồng ông N với công việc là bảo vệ, đến tháng 7 năm 2024 mức lương là 3.960.000 đồng/tháng, ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo tình hình công việc cụ thể hàng tháng được giao. Xét, về thực hiện hợp đồng, ông B đã thực hiện đầy đủ nội dung và yêu cầu công việc theo hợp đồng lao động đã ký, phía Công ty cổ phần G từ khi ký hợp đồng cho đến từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2024, Công ty cổ phần G không trả lương cho người lao động, theo quyết định mức lương và danh sách chi trả lương do Công ty cổ phần G cung cấp từ tháng 8,9,10,11/2024 thể hiện Công ty cổ phần G còn nợ tiền lương ông B là 15.845.066 đồng.

[2.2] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn B yêu cầu Công ty cổ phần G có nghĩa vụ trả tiền lương cho ông B, không yêu cầu tính lãi. Đối với bị đơn là Công ty cổ phần G đã được thông báo về vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi. Đồng thời, theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm biên bản gặp gỡ, đối thoại, người lao động tại Công ty cổ phần G, danh sách nợ lương từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2024 thể hiện bị đơn thừa nhận nợ lương công nhân trong đó có ông B với số tiền 15.845.066 đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định Công ty cổ phần G còn nợ tiền lương ông B từ tháng 8,9,10,11/2024 là 15.845.066 đồng.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B. Buộc Công ty cổ phần G có nghĩa vụ thanh toán cho ông B tiền lương còn nợ của các tháng 8, 9, 10, 11 của năm 2024. Ông B không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[5] Về án phí lao động: Công ty cổ phần G phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147, Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 90, 95 của Bộ luật Lao động; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với Công ty cổ phần G về việc “Tranh chấp tiền lương ”.

Buộc Công ty cổ phần G có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn B tiền lương là 15.845.066 (mười lăm triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn không trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty cổ phần G không thi hành số tiền trên thì hàng tháng Công ty cổ phần G còn phải trả cho ông B số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty cổ phần G phải chịu 475.000 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B được miễn án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Bảo N1